



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 288/KTA-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2024

V/v Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN
tại Báo cáo KQHĐKD 6 tháng đầu năm
kết thúc ngày 30/06/2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 và tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán: PGD).

PGD xin giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQHĐKD 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 giảm 11,87% so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2024	Chênh lệch	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7)=(6)/(4)
1	Sản lượng khí	MMBTU	18.760.635,63	18.043.878,49	(716.757,14)	-3,82%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	4.954.595.381.072	5.191.385.759.945	236.790.378.873	4,78%
3	Giá vốn hàng bán	Đồng	4.529.164.748.307	4.779.360.919.016	250.196.170.709	5,52%
4	Lợi nhuận gộp	Đồng	425.430.632.765	412.024.840.929	(13.405.791.836)	-3,15%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu	%	8,59%	7,94%	-0,65%	-7,57%
6	Chi phí hoạt động và chi phí khác	Đồng	230.201.217.565	230.028.711.763	(172.505.802)	-0,07%
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	218.684.595.272	195.978.727.283	(22.705.867.989)	-10,38%
8	Thuế TNDN	Đồng	44.210.928.806	42.208.829.082	(2.002.099.724)	-4,53%
9	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	174.473.666.466	153.769.898.201	(20.703.768.265)	-11,87%



2. Nguyên nhân:

Sản lượng khí (Chỉ tiêu 1) giảm 716.757,14 MMBTU (tương đương giảm 3,82%) so với cùng kỳ năm 2023 do nền kinh tế trong nước đã và đang trong quá trình hồi phục, khách hàng đã phần nào trở lại sản xuất kinh doanh nhưng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là nhóm khách hàng liên quan đến lĩnh vực bất động sản (gạch men, sắt thép, vật liệu xây dựng,...). Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Chỉ tiêu 2) tăng 236.790.378.873 đồng (tương đương tăng 4,78%) do điều chỉnh giá bán khí phù hợp xu hướng thị trường, trong khi đó Giá vốn hàng bán (Chỉ tiêu 3) tăng 5,52% so với cùng kỳ năm trước do tình hình tỷ giá, thị trường nhiên liệu nói chung và giá dầu nói riêng, dẫn đến lợi nhuận gộp (Chỉ tiêu 4) giảm 13.405.791.863 đồng (tương đương giảm 3,15%) làm Lợi nhuận trước thuế (Chỉ tiêu 7) giảm 22.705.867.989 đồng (tương đương giảm 10,38%) so với cùng kỳ năm 2023. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế (Chỉ tiêu 9) giảm 20.703.768.265 đồng (tương đương giảm 11,87%) so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- P. KD;
- Lưu VT, P. TCKT, HMH(01).



GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Nam